

# PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC A. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHÁCH QUAN, CHẶT CHẼ VÀ KHOA HỌC

Báo cáo tổng hợp về Chỉ số PAPI năm 2010 đã nêu đầy đủ và cụ thể về quá trình thiết kế, xây dựng và thực hiện PAPI theo phương pháp nghiên cứu mang tính khách quan, chặt chẽ và khoa học. Năm 2010, nhóm nghiên cứu PAPI đã tạo lập được nền tảng tốt về phương pháp luận cho PAPI, tạo cơ sở để đảm bảo độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu đồng thời được các đối tác cũng như các bên quan tâm chấp nhận. Phương pháp luận đó tiếp tục được áp dụng cho PAPI năm 2011 khi triển khai trên toàn quốc với một số điều chỉnh để đạt mức độ tin cậy và ổn định cao hơn.<sup>74</sup>

### ***Chiến lược chọn mẫu***

Thủ tục chọn mẫu của PAPI là nhằm thu thập thông tin từ mẫu đại diện cho những người dân bình thường và cũng là những cá nhân ở độ tuổi từ 18-70. PAPI không chọn mặc định chủ hộ mà sử dụng phần mềm chọn mẫu hiện đại theo chuẩn mực quốc tế để chọn mẫu

đại diện. Thủ tục chọn mẫu này là nhằm tìm hiểu trải nghiệm và nhận thức của người dân nói chung với đặc điểm nhân chủng đa dạng, bao gồm nam, nữ với điều kiện kinh tế-xã hội, tuổi tác và thành phần dân tộc khác nhau.

Ngoài ra, phương pháp chọn mẫu phải giải quyết cân đối ba yếu tố quan trọng. Hai yếu tố đầu cũng được áp dụng trong năm 2010 còn yếu tố thứ ba được đưa vào nhằm tăng cường mức độ đại diện và khả năng so sánh của các tỉnh/thành phố theo các đặc điểm chính của từng địa phương.

Thứ nhất, khảo sát cần tính đến việc các dịch vụ hành chính được phân cấp cũng như tính chất không đồng đều trong phân phối dịch vụ theo không gian. Do đó, để đảm bảo việc so sánh kết quả PAPI là công bằng giữa 63 tỉnh/thành phố, việc chọn ba nhóm đơn vị mặc định tại mỗi tỉnh/thành phố được duy trì. Ở mỗi tỉnh hay thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị thành phố/thị xã trực thuộc tỉnh hoặc quận/thành phố thủ phủ của thành phố trực thuộc trung ương được chọn làm đơn vị mặc định. Ở mỗi đơn vị cấp huyện/quận/thành phố/thị xã, thì đơn vị xã/phường/thị trấn nơi đặt trụ sở cơ quan hành chính cấp huyện được chọn mặc định. Ở mỗi đơn vị cấp xã/phường/thị trấn, chọn đơn vị cấp

74. Độc giả quan tâm có thể tham khảo Chương 3, Báo cáo PAPI 2010 (MTTQ, CECODES & UNDP (2011), đặc biệt là từ trang 93-104.

thôn/tổ dân phố nơi có trụ sở hành chính của xã/phường/thị trấn làm đơn vị cố định. Số đơn vị tương ứng với từng cấp hành chính còn lại được chọn ngẫu nhiên sử dụng phương pháp xác suất thống kê theo quy mô dân số (PPS). Thiết kế này nhằm đảm bảo đo lường được hiệu quả hoạt động hành chính ở mỗi đơn vị tỉnh/thành phố mà không phân biệt các nhóm dân cư thành thị sinh sống tại các trung tâm hành chính các cấp (như thành phố, thị xã, quận, thị trấn mang đặc tính đô thị) hoặc các nhóm dân cư nông thôn sinh sống tại các đơn vị hành chính bình thường khác (như huyện, xã, thôn/làng/bản mang đặc tính nông thôn).

Yếu tố thứ hai là tính đại diện của mẫu dân cư, có nghĩa mỗi nhóm mẫu phải có cùng xác suất hay cơ hội được lựa chọn như nhau cho khảo sát. Việc lựa chọn đơn vị mẫu theo phương pháp chọn mẫu theo xác suất quy mô (PPS) giúp đảm bảo bất kỳ người nào sống ở các đơn vị chọn mẫu khác nhau cùng cấp (ví dụ người dân ở các thôn khác nhau của một xã) cũng đều có cùng cơ hội được lựa chọn vào nghiên cứu như nhau, cho dù đơn vị thôn/ấp/tổ dân phố có quy mô dân số như thế nào.

Yếu tố thứ ba đó là phân nhóm các tỉnh/thành phố theo quy mô dân số. Trong năm 2011, 63 tỉnh/thành phố đã được phân theo ba nhóm chính. Các Bảng 1.1 và 1.2 ở Chương 1 đã trình bày đầy đủ ba nhóm tỉnh/thành phố.

Phương pháp chọn mẫu đa cấp cũng đã được áp dụng cho việc chọn các đơn vị hành chính các cấp cũng như xây dựng mẫu đại diện cho mỗi đơn vị tỉnh/thành phố. Phương pháp PPS được sử dụng theo bốn bước để chọn ra các đơn vị cấp (i) huyện/quận/thành phố/thị xã trực thuộc tỉnh/thành phố, (ii) xã/phường/thị trấn trực thuộc đơn vị huyện/quận/thành phố/thị xã đã chọn, (iii) thôn/tổ dân phố/ấp/bản/buôn trực thuộc đơn vị xã/phường/thị trấn đã chọn, và (iii) người trả lời là mẫu đại diện cho dân cư sống tại các đơn vị xã/phường/thị trấn đã chọn.

**So sánh mẫu khảo sát PAPI 2011 với số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009**

Cũng như với PAPI 2010, độ tin cậy của mẫu khảo sát có thể kiểm chứng dựa trên các biến số có được sau khi công bố kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009. Với quy mô và đặc tính mẫu khảo sát PAPI 2011, khi so sánh với một số biến số phổ biến của dữ liệu dân số, độc giả có thể tự nhận xét về tính đại diện của mẫu khảo sát năm 2011.

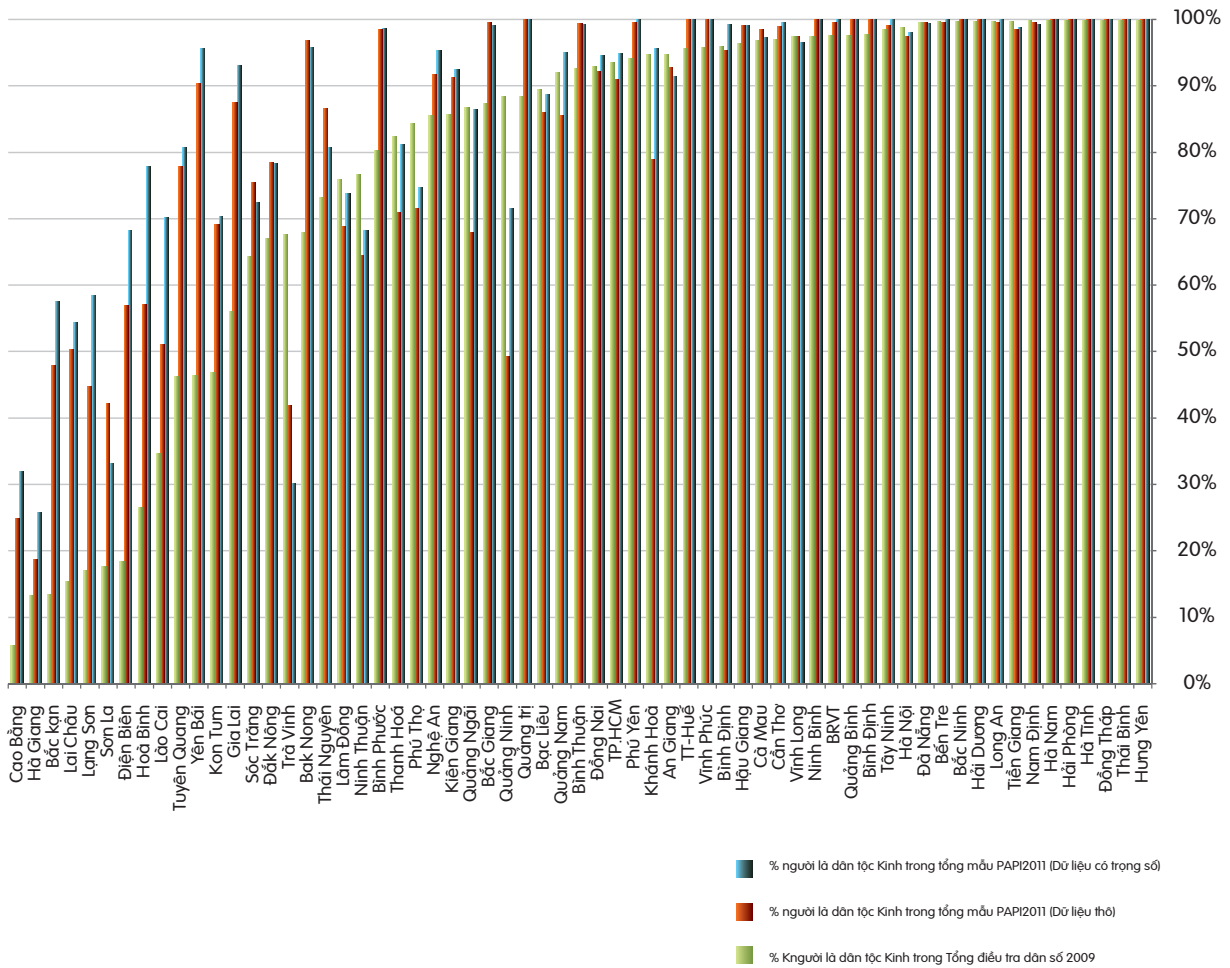
Bảng A1 so sánh phân phối các biến nhân khẩu học chính trong mẫu PAPI với một số biến phổ biến của Tổng điều tra dân số năm 2009 và khẳng định đặc điểm chính của mẫu khảo sát PAPI 2011 rất gần với đặc điểm chính của dân số Việt Nam.

**BẢNG A1: SO SÁNH MỘT SỐ BIẾN NHÂN KHẨU (TỈ LỆ %)**

	PAPI 2011	TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ 2009
<b>Giới</b>		
Nam	47,04	49,41
Nữ	52,96	50,59
<b>Dân tộc</b>		
Kinh	84,5	85,73
Các dân tộc khác	15,5	14,27

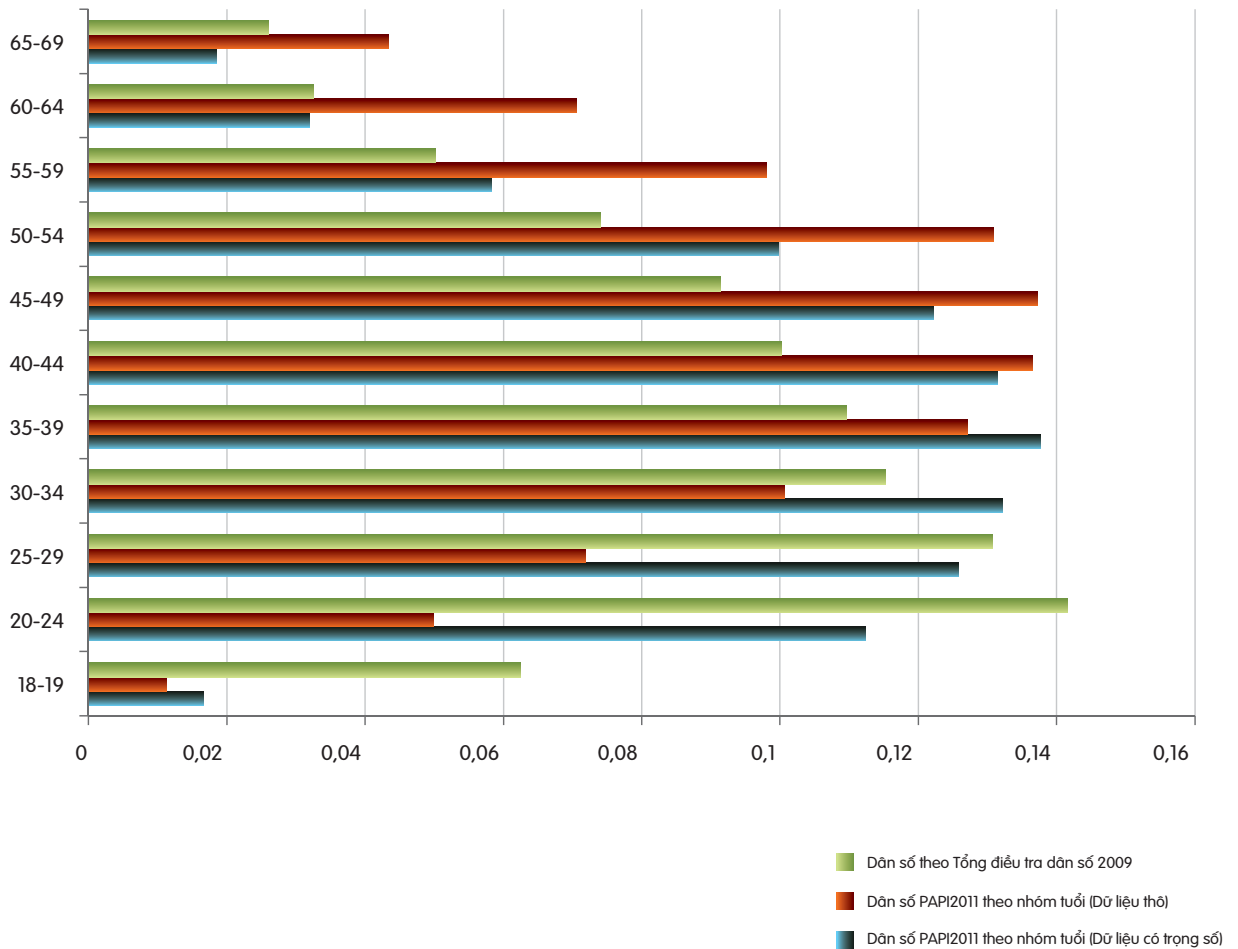
Ngoài ra, Biểu đồ A1 cho thấy tác động của trọng số đối với thành phần của mẫu theo dân tộc, còn Biểu đồ A2 so sánh biến nhóm tuổi của mẫu khảo sát PAPI 2011 với biến nhóm tuổi của Tổng điều tra dân số 2009.

**BIỂU ĐỒ A1: THÀNH PHẦN DÂN TỘC KINH TRONG MẪU PAPI 2011 SO VỚI TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009**



## BIỂU ĐỒ A2: MẪU KHẢO SÁT PAPI-2011 PHÂN BỐ THEO NHÓM TUỔI VÀ SO VỚI TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ 2009

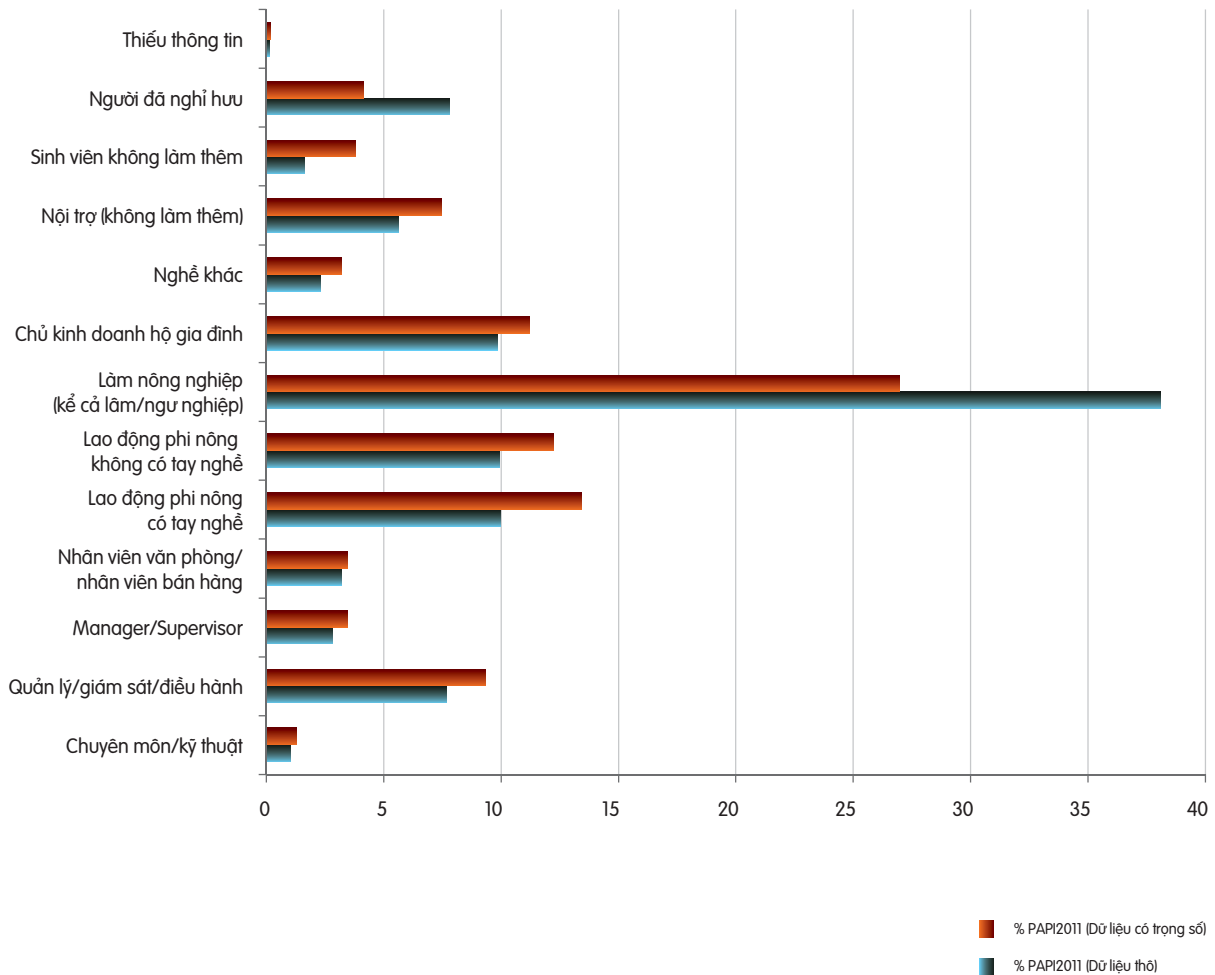
(chưa tính mẫu thuộc nhóm tuổi từ 70 trở lên)



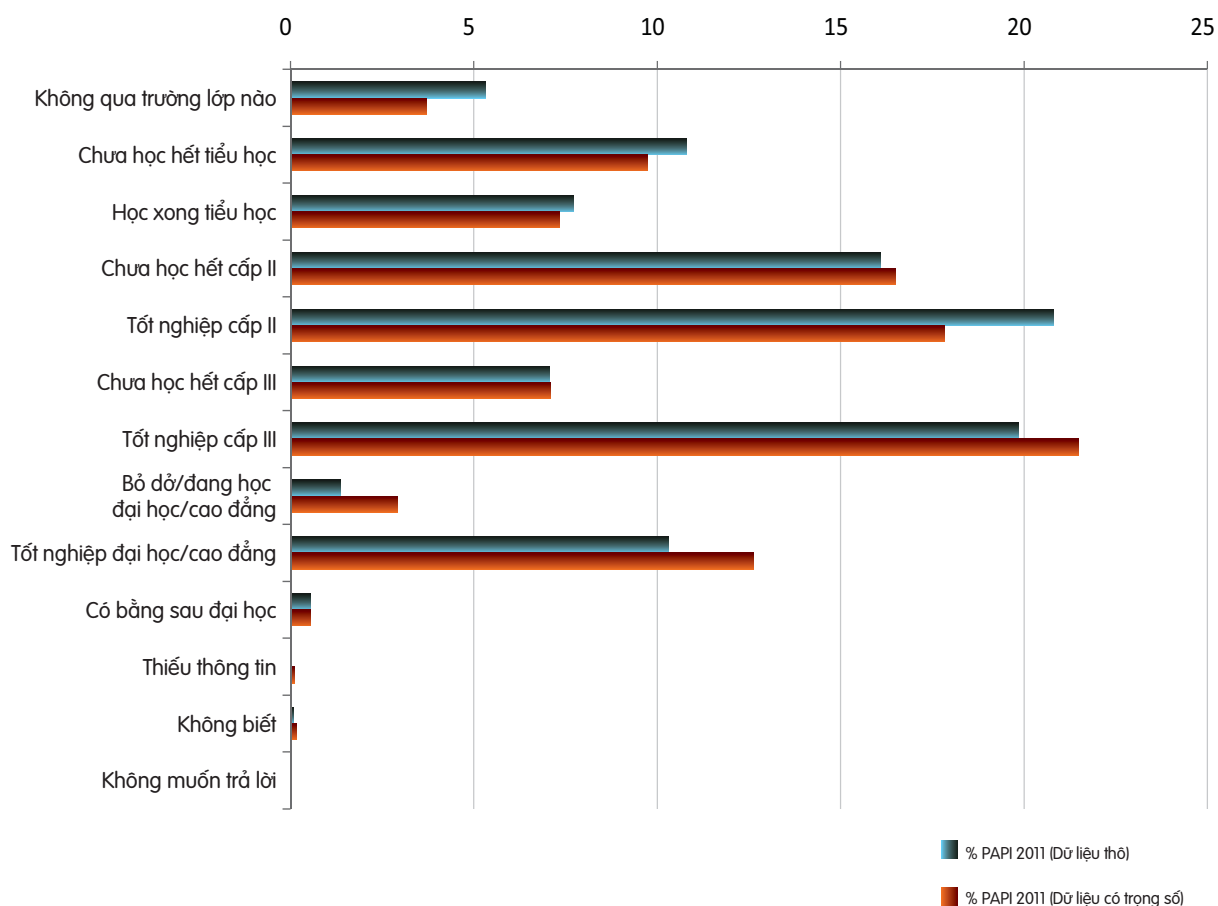
Hai bước thử nghiệm tiếp theo cho thấy tính đại diện của mẫu trong nghiên cứu PAPI 2011 khi so với Tổng điều tra dân số 2009. Bước thứ nhất dựa trên cơ sở so sánh nghề nghiệp, và bước thứ hai dựa trên cơ sở so sánh trình độ học vấn của người trả lời phỏng vấn cũng như mối quan hệ với các trọng số sau phân tổ. Biểu

đồ A3 về nghề nghiệp và Biểu đồ A4 về trình độ học vấn biểu thị kết quả của hai phép thử này. Cũng như với PAPI 2010, PAPI 2011 đảm bảo mẫu khảo sát mang tính đại diện cho dân số Việt Nam, từ đó cho phép so sánh giữa các tỉnh/thành phố và giữa các nhóm dân cư có ý nghĩa thống kê.

## BIỂU ĐỒ A3: NGHỀ NGHIỆP CHÍNH CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI PAPI 2011



**BIỂU ĐỒ A4: TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN, HỌC VỊ CAO NHẤT CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI PAPI 2011**



**Quy trình thực hiện khảo sát thực địa**

**Cải thiện Bộ phiếu hỏi:**<sup>74</sup> Được xây dựng thí điểm vào năm 2009 và triển khai nhân rộng vào năm 2010 giới thiệu ở Chương 1, Bộ phiếu hỏi PAPI 2011 đã được cải thiện và hoàn chỉnh trên cơ sở các bài học kinh nghiệm rút ra từ giai đoạn thí điểm và nhân rộng tham khảo ý kiến của rất nhiều chuyên gia và các cấp có thẩm quyền. Bảng câu hỏi hiện nay tập trung hơn, súc tích hơn, đơn giản và dễ hiểu hơn so với bảng câu hỏi năm 2009 và năm 2010. Bộ phiếu hỏi này sẽ là cơ sở để đảm bảo khả năng so sánh số liệu trong tương lai.

Như đã nêu trong phần trình bày về phương pháp nghiên cứu của PAPI 2010, quá trình xây dựng Bộ phiếu hỏi bao gồm nhiều bước: (i) thiết kế, (ii) thử nghiệm sơ bộ, (iii) điều chỉnh và hoàn thiện, (iv) xây dựng Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn và (v) tổ chức tập huấn phỏng vấn viên.<sup>75</sup>

**Quá trình khảo sát:** Quy trình khảo sát bắt đầu bằng việc tập huấn trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa. Họ là những người chỉ đạo và giám sát các nhóm thu thập số liệu ở 63 tỉnh/thành phố. Lớp tập huấn tập trung đầu tiên được tiến hành tại Hà Nội vào

74. Bộ phiếu hỏi PAPI 2011 được đăng tải tại trang web của PAPI [www.papi.vn](http://www.papi.vn).

75. Xem Chương 3 về phương pháp luận (MTTQ, CECODES & UNDP, 2011), đặc biệt ở các trang 98-99.

tháng 5 năm 2011 với sự tham gia của hơn 60 nhân viên và cộng tác viên của CECODES<sup>76</sup> và cán bộ MTTQ trung ương. Bên cạnh đó, một loạt lớp tập huấn kỹ thuật chuyên sâu cũng được triển khai sau đó để đảm bảo các trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa được đào tạo bài bản và có hiểu biết như nhau về các yêu cầu kỹ thuật của các nhiệm vụ được giao.

Khi tiến hành khảo sát thực địa tại các tỉnh/thành phố, các trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa đã tiến hành tập huấn cho các phỏng vấn viên được tuyển chọn từ các trường đại học, cao đẳng cấp vùng hay cấp tỉnh cũng như hướng dẫn họ sử dụng cuốn Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn và Bộ phiếu hỏi để đảm bảo tất cả phỏng vấn viên có hiểu biết như nhau và nắm được mạch của các câu hỏi. Các phỏng vấn viên hầu hết là sinh viên năm cuối hay mới tốt nghiệp về chuyên ngành xã hội học, công tác xã hội và hành chính công. Gần 600 sinh viên được sàng lọc kỹ càng nhờ Tổ chức “Sống và Học tập vì cộng đồng và môi trường” (Live & Learn Organization), một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phát triển thanh niên ở Việt Nam. Điều này góp phần đảm bảo tính khách quan và độc lập của công tác khảo sát thực địa. Mỗi nhóm phỏng vấn viên có một ngày tập huấn. Chương trình tập huấn bao gồm một phiên giới thiệu chung về quy trình phỏng vấn PAPI, các yêu cầu cần đáp ứng và hướng dẫn chi tiết về bảng câu hỏi và một phiên để các phỏng vấn viên thực hành, thử nghiệm phỏng vấn và trả lời phỏng vấn dưới sự kiểm tra, giám sát của các trưởng nhóm khảo sát.

UNDP tiến hành hậu kiểm các bộ phiếu hỏi đã được điền thông tin vào cuối đợt công tác thực địa sau khi mỗi đoàn khảo sát ở mỗi tỉnh/thành phố trở về Hà Nội. Việc tập huấn lại cho các trưởng nhóm khảo sát được

triển khai ngay sau đó để kịp thời chấn chỉnh những nhược điểm, thiếu sót phát hiện trong các bộ phiếu hỏi đã điền thông tin trước khi họ tiếp tục được cử đi khảo sát ở một tỉnh/thành phố khác. Quy trình đào tạo ba lớp (lớp tập huấn tổng quát vào tháng 5 năm 2011, lớp tập huấn kỹ thuật trước khi cử các trưởng nhóm khảo sát đi các tỉnh/thành phố và lớp tập huấn lại khi cần thiết) góp phần đảm bảo cho các trưởng nhóm khảo sát đã có hay chưa có kinh nghiệm làm việc với dự án PAPI đều có mức độ hiểu biết như nhau về các yêu cầu kỹ thuật và các kỹ năng cần thiết trước khi tiến hành khảo sát thực địa ở một tỉnh/thành phố cụ thể.

**Khảo sát thực địa.** Công tác khảo sát thực địa của PAPI trên thực tế được tiến hành từ ngày 8 tháng 8 đến ngày 21 tháng 12 năm 2011. Tổng số 63 đoàn khảo sát do các trưởng nhóm kiêm giám sát thực địa từ Hà Nội dẫn đầu (đến mỗi tỉnh/thành phố lại chia thành hai nhóm do hai trưởng nhóm dẫn đầu) được cử đi 63 tỉnh/thành phố để phối hợp với các phỏng vấn viên ở địa phương thực hiện công tác khảo sát trong thời gian bốn ngày (ở 57 tỉnh/thành phố có quy mô dân số dưới hai triệu người) và bảy ngày (ở những tỉnh/thành phố lớn hơn), không kể thời gian đi lại. Tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh có quy mô dân số từ 2 triệu người trở lên như Thanh Hóa, các đoàn khảo sát phải ở lại lâu hơn. Ở những địa bàn không gặp được đủ số mẫu trong khảo sát đợt một, một số đoàn phải quay lại thực địa để hoàn thành việc phỏng vấn theo danh sách mẫu khảo sát đã chọn.

Để giải quyết các thách thức thực địa trong khi duy trì được chất lượng khảo sát cao theo tiêu chuẩn quốc tế, dự án nghiên cứu PAPI đã thiết lập cơ chế đối tác ‘kiềng ba chân’ trong quá trình khảo sát. Nhóm đối tác thứ nhất bao gồm đội ngũ cán bộ dự án của CECODES và cán bộ ủy ban MTTQ tỉnh/thành phố với vai trò là điều phối viên trong giai đoạn chọn mẫu và chuẩn bị khảo sát thực địa. Nhóm đối tác thứ hai gồm hơn 50 cộng tác viên của CECODES với vai trò trưởng nhóm khảo sát và giám sát thực địa. Nhóm thứ ba bao gồm gần 600 sinh viên năm cuối hoặc vừa mới tốt nghiệp trong chuyên ngành xã hội học, công tác xã hội và hành chính thực hiện vai trò phỏng vấn viên và hỗ trợ khảo sát thực địa. Biểu đồ A5 dưới đây phác họa mạng lưới đối tác trên.

77. Mạng lưới các tổ chức phi chính phủ trong nước hoạt động trong các lĩnh vực cải cách quản trị và hành chính công ở Việt Nam (GPAR) cũng đã cử cán bộ nghiên cứu có trình độ làm cộng tác viên với CECODES trong năm 2011, góp phần nâng cao chất lượng của các trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa. Ngoài ra còn có sự tham gia của một số cộng tác viên là các nhà nghiên cứu có kinh nghiệm của Viện Khoa học xã hội Việt Nam (VASS).

**BIỂU ĐỒ A5: MẠNG LƯỚI LIÊN KẾT THỰC HIỆN THU THẬP DỮ LIỆU TẠI THỰC ĐỊA**